ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐỨC CƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 604 /QĐ-UBND	*Đức Cơ, ngày 23 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC CƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 21/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định của các quyết định ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đức Cơ;

Căn cứ Quyết định số 3150/QĐ-UBND, ngày 27/12/2017 của UBND huyện Đức Cơ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Lâm (Đường vào UBND xã Ia Kriêng), xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2986/QĐ-UBND, ngày 12/12/2022 của UBND huyện Đức Cơ về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tổ dân phố 6 (Giáp trường Phổ thông dân tộc Nội trú), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ;

Căn cứ Quyết định số 3070/QĐ-UBND, ngày 29/12/2022 của UBND huyện Đức Cơ về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tổ dân phố 7 (Phía Đông Công an huyện, đường đi xã Ia Pnôn), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.

Xét đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 99/TTr-KT ngày 12/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng năm 2025 trên địa bàn xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

(Có Phương án đấu giá và danh sách lô đất kèm theo)

Điều 2:

Căn cứ phương án đấu giá được phê duyệt, các cơ quan, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

Giao Ban quản lý xã lựa chọn đơn vị, tổ chức thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Trình tự, thủ tục thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Luật Đấu giá tài sản và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Ban quản lý xã Đức Cơ, Thuế cơ sở 9 - tỉnh Gia Lai, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Công an xã;
- Lưu: VT-VP.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Bá Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐỨC CƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN
ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐỨC CƠ
(Ban hành kèm theo Quyết định số:604/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của Chủ tịch UBND xã Đức Cơ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
- Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản số và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;
- Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;
- Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 21/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;
- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý, sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;
- Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định của các quyết định ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đức Cơ;

- Quyết định số 3150/QĐ-UBND, ngày 27/12/2017 của UBND huyện Đức Cơ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn Ia Lâm (Đường vào UBND xã Ia Kriêng), xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 2986/QĐ-UBND, ngày 12/12/2022 của UBND huyện Đức Cơ về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tổ dân phố 6 (Giáp trường Phổ thông dân tộc Nội trú), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ;

- Quyết định số 3070/QĐ-UBND, ngày 29/12/2022 của UBND huyện Đức Cơ về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tổ dân phố 7 (Phía Đông Công an huyện, đường đi xã Ia Pnôn), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Loại đất, vị trí, diện tích các thửa đất đấu giá.

- Loại đất đấu giá: Đất ở.

- Vị trí:

+ Đường Phan Bội Châu, khu dân cư Tổ dân phố 7 (đường đi xã Ia Pnôn, phía Đông trụ sở Công an xã).

+ Đường Anh Hùng Núp, khu dân cư Tổ dân phố 6 (Giáp trường Phổ thông dân tộc Nội trú).

+ Đường đi vào UBND xã Ia Kriêng cũ (điểm dân cư thôn Ia Lâm, đường Nguyễn Thái Học).

- Tổng diện tích: 26.747,90 (82 lô)

(Có bảng tổng hợp kèm theo).

2. Về hạ tầng kỹ thuật, mật độ xây dựng và tài sản gắn liền với đất.

- Về hạ tầng kỹ thuật: Các khu vực, vị trí nêu trên đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: Đường giao thông (nhựa, bê tông), điện sinh hoạt…

- Tài sản gắn liền với đất: Không (đất đã được giải phóng mặt bằng).

- Về mật độ xây dựng và khống chế khoảng lùi xây dựng: Thực hiện theo quy hoạch xây dựng chi tiết khu dân cư, điểm dân cư đã được phê duyệt.

- Hiện trạng sử dụng đất: Đất đã được quy hoạch chi tiết vào mục đích đất ở, chưa sử dụng.

3. Hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất.

- Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

4. Thời gian, địa điểm tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời gian: Dự kiến tổ chức trong tháng 10/2025.

- Địa điểm: Tại Nhà thi đấu đa năng xã Đức Cơ.

5. Đối tượng và điều kiện được tham gia đấu giá.

5.1. Đối tượng tham gia đấu giá

Cá nhân theo quy định tại Khoản 4 Điều 125 Luật đất đai năm 2024, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 được sửa đổi tại điểm b khoản 45 Điều 1 Luật Đấu giá tài sản sửa đổi năm 2024.

5.2. Điều kiện được tham gia đấu giá

- Có đơn Đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt khi trúng đấu giá.

- Nộp khoản tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

6. Chi phí thực hiện, mức phí tham gia đấu giá

6.1. Chi phí thực hiện:

Thực hiện theo Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

6.2. Mức phí tham gia đấu giá:

- Mức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá theo Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

- Mức phí khi người đăng ký tham gia đấu giá phải nộp là 100.000 đồng/hồ sơ.

- Khoản phí này nộp cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi đăng ký tham gia đấu giá và không trả lại cho người đã đăng ký tham gia.

7. Giá khởi điểm, khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá và các khoản thu khác.

- Giá khởi điểm: Theo quyết định phê duyệt giá khởi điểm của Chủ tịch UBND xã.

- Khoản tiền đặt trước khi tham gia đấu giá: Mức thu bằng 20% giá khởi điểm của từng lô đất.

- Các khoản thu khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan

8. Hình thức, phương thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp theo phương thức trả giá lên *(trình tự thực hiện theo nội quy đấu giá do Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản lập).*

9. Bước giá.

- Mỗi lần trả giá (bỏ phiếu) phải trả giá cao hơn giá khởi điểm tối thiểu là 5 (năm) triệu đồng.

- Bỏ phiếu lại đối với 01 (một) lô đất có từ 02 (hai) người trở lên cùng có giá cao nhất bằng nhau thì phần chênh lệch giữa lần trả giá sau lớn hơn lần trả giá trước liền kề là 5 (năm) triệu đồng.

10. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng kinh phí từ đấu giá QSDĐ.

- Dự kiến giá trị thu được: **19.640.757.000 đồng.**

- Việc sử dụng kinh phí thu từ đấu giá quyền sử dụng đất: Tiền thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng; trích nộp về Tổ chức phát triển quỹ đất tỉnh theo quy định và chi cho công tác đo đạc địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường hợp trúng đấu giá và theo kế hoạch hàng năm trên địa bàn xã; chi phí cho công tác tổ chức định giá và đấu giá quyền sử dụng đất.

11. Lựa chọn đơn vị tổ chức thực hiện và đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá.

- UBND xã giao Ban quản lý xã tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDĐ.

- Ban quản lý xã có trách nhiệm tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng thuê tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để thực hiện cuộc bán đấu giá QSDĐ theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

12. Nộp tiền sử dụng đất sau khi có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của Chủ tịch UBND xã, cơ quan thuế gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất bằng văn bản cho người đã trúng đấu giá theo quy định của pháp luật. Thời hạn nộp tiền chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành thông báo.

b) Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo thông báo của cơ quan thuế;

c) Kể từ thời điểm công bố kết quả trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình Chủ tịch UBND xã hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì được Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc theo quy định.

d) Cơ quan thuế thông báo cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai về việc người trúng đấu giá đã hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

13. Hủy kết quả trúng đấu giá

- Kết quả trúng đấu giá bị hủy theo quy định tại Điều 72 Luật đấu giá tài sản năm 2016 được sửa đổi bổ sung tại khoản 42, Điều 1 Luật đấu giá tài sản năm 2024 và điểm c khoản 9 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 được sửa đổi bổ sung tại điểm e khoản 9 Điều 4 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025. Trong trường hợp kết quả trúng đấu giá bị hủy, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc.

- Đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm thông báo ngay việc hủy kết quả trúng đấu giá theo quy định cho người trúng đấu giá biết, tiền đặt trước không được hoàn trả và nộp vào ngân sách nhà nước.

14. Tổ chức đấu giá lại.

Trường hợp lô, thửa đất không có cá nhân tham gia đấu giá hoặc đấu giá không thành thì sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc đấu giá liền kề trước kết thúc, các lô thửa đất trên sẽ tiếp tục đấu giá lại mà không cần phê duyệt lại phương án đấu giá và lựa chọn lại tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Trình tự, thủ tục đấu giá lại được tiến hành như đối với việc đấu giá quyền sử dụng đất lần đầu.

15. Giám sát phiên đấu giá quyền sử dụng đất:

- Thành phần tham gia giám sát, gồm: Lãnh đạo Uỷ ban nhân dân xã và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị: Phòng Kinh tế, Văn phòng HĐND-UBND xã, Công an xã, Thuế cơ sở 9 tỉnh Gia Lai, Ban Quản lý xã.

Các thành phần tham gia giám sát có trách nhiệm giám sát việc thực hiện cuộc đấu giá đảm bảo đúng trình tự, thủ tục pháp.

16. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan.

16.1. Ban quản lý xã:

- Chuẩn bị hồ sơ có liên quan đến thửa đất đấu giá, tham mưu trình UBND xã **(qua Phòng Kinh tế)** Quyết định đấu giá, Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất và hồ sơ pháp lý khác có liên quan.

- Tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng với Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất.

- Cắm mốc, biển ranh giới lô đất ngoài thực địa để người tham gia đấu giá biết.

- Kiểm tra, giám sát và phối hợp với Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong suốt quá trình thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất. Định kỳ vào lúc 16 giờ hàng ngày, kể từ ngày thông báo tiếp nhận hồ sơ của người tham gia đấu giá cho đến khi kết thúc phiên đấu giá, báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã **(qua Phòng Kinh tế)** biết để theo dõi, chỉ đạo.

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ và Biên bản kết quả thực hiện phiên bán đấu giá quyền sử dụng đất từ Tổ

chức hành nghề đấu giá tài sản, có trách nhiệm kiểm tra và hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân xã **(qua Phòng Kinh tế)** để tham mưu ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

- Hướng dẫn người trúng đấu giá thực hiện kê khai giấy tờ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi hồ sơ cho Phòng Kinh tế để chuyển thông tin cho Thuế cơ sở 9 xác định nghĩa vụ tài chính.

- Phối hợp với Thuế cơ sở 9 tỉnh Gia Lai đôn đốc người trúng đấu giá thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Phối hợp bàn giao đất trên thực địa cho các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

- Tham mưu, đề xuất UBND xã dự toán kinh phí đo đạc, trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đấu giá (nếu có), đồng thời chủ động thuê đơn vị tư vấn đo đạc để thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường hợp trúng đấu giá theo quy định.

16.2. Phòng Kinh tế:

- Phối hợp với Ban Quản lý xã cắm mốc, biển ranh giới lô đất ngoài thực địa để người tham gia đấu giá biết.

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ và kết quả phiên bán đấu giá quyền sử dụng đất từ Ban Quản lý xã, có trách nhiệm kiểm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, có trách nhiệm lập Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất chuyển cho Thuế cơ sở 9 tỉnh Gia Lai.

- Sau khi người trúng đấu giá QSD đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính, có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND xã quyết định giao đất và cấp Giấy chứng nhận QSD đất, chuyển hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Cơ thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính theo quy định hiện hành.

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thời hạn quy định, tham mưu trình Chủ tịch UBND xã hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá,

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức bàn giao đất trên thực địa cho các trường hợp trúng đấu giá sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tham mưu UBND xã phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện.

16.3. Phòng Văn hóa-Xã hội; Trung tâm văn hóa, Thông tin và Thể thao: Phối hợp Ban quản lý xã tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin

đại chúng các nội dung về đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn xã và các xã lân cận để người dân biết, tham gia.

16.4. Công an xã: Cử lực lượng tham gia bảo vệ cuộc bán đấu giá, chủ trì xây dựng phương án và chỉ đạo lực lượng bảo vệ cuộc bán đấu giá đảm bảo an toàn, trật tự.

16.5. Thuế cơ sở 9 tỉnh Gia Lai:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của Chủ tịch UBND xã và hồ sơ do Phòng Kinh tế chuyển đến, cơ quan thuế gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất bằng văn bản cho người đã trúng đấu giá theo quy định của pháp luật. Thời hạn nộp tiền chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành thông báo.

- Đôn đốc người trúng đấu giá thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Thông báo cho Phòng Kinh tế, Ban quản lý xã về việc người trúng đấu giá đã hoàn thành việc thực hiện nghĩa vụ tài chính để có cơ sở trình Chủ tịch UBND xã quyết định giao đất, cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thời hạn quy định, thông báo đến Phòng Kinh tế, Ban Quản lý xã để tham mưu, trình Chủ tịch UBND xã hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá,

16.6. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Cơ:

Thực hiện việc cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai sau khi UBND xã chuyển hồ sơ kèm theo bản sao GCN đã cấp.

16.7. Các cơ quan, đơn vị có liên quan: Phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tham gia giám sát việc đấu giá QSD đất theo quy định.

Trên đây là Phương án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn xã Đức Cơ, các nội dung khác không quy định trong phương án thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan./.

BẢNG TỔNG HỢP ĐẤU GIÁ ĐẤT NĂM 2025

(Kèm theo Phương án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn xã Đức Cơ)

TT	Khu vực, vị trí	Số lô	Diện tích (lô/m2)	Giá đất theo Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh (đồng/m^2)		Ghi chú
				Giá đất (đồng/m^2)	Số tiền thu được (đồng/lô)	
I	**Khu vực Tổ dân phố 7 (Đường Phan Bội Châu)**	**55**	**11.422,9**		**11.234.520.000**	
1	**Khu OLK - 01: 03 lô**	**3**	**734,7**		**687.020.000**	
1.1	Lô 02 (thửa đất 194, tờ bản đồ 37)	1	250,1	1.100.000	275.110.000	Lô góc
1.2	Lô 03 (thửa đất 195, tờ bản đồ 37)	1	229,7	850.000	195.245.000	
1.3	Lô 04 (thửa đất 196, tờ bản đồ 37)	1	254,9	850.000	216.665.000	
2	**Khu OLK - 02: 09 lô**	**9**	**1.854,00**		**1.798.815.000**	
2.1	Lô 01 (thửa đất 203, tờ bản đồ 37)	1	171,9	850.000	146.115.000	
2.2	Lô 02 (thửa đất 202, tờ bản đồ 37)	1	196	850.000	166.600.000	
2.3	Lô 03 (thửa đất 201, tờ bản đồ 37)	1	237,1	1.000.000	237.100.000	Lô góc
2.4	Lô 04 (thửa đất 206, tờ bản đồ 37)	1	207,2	1.000.000	207.200.000	
2.5	Lô 05 (thửa đất 208, tờ bản đồ 37)	1	207,5	1.000.000	207.500.000	
2.6	Lô 06 (thửa đất 210, tờ bản đồ 37)	1	207,9	1.000.000	207.900.000	
2.7	Lô 07 (thửa đất 212, tờ bản đồ 37)	1	208,3	1.000.000	208.300.000	
2.8	Lô 08 (thửa đất 213, tờ bản đồ 37)	1	208,8	1.000.000	208.800.000	
2.9	Lô 09 (thửa đất 217, tờ bản đồ 37)	1	209,3	1.000.000	209.300.000	
3	**Khu OLK - 03: 03 lô**	**3**	**826,8**		**826.800.000**	
3.1	Lô 04 (thửa 229, tờ bản đồ 37)	1	283,4	1.000.000	283.400.000	
3.2	Lô 05 (thửa 232, tờ bản đồ 37)	1	287,5	1.000.000	287.500.000	
3.3	Lô 06 (thửa 234, tờ bản đồ 37)	1	255,9	1.000.000	255.900.000	
4	**Khu OLK - 04: 08 lô**	**8**	**1.643,10**		**1.643.100.000**	
4.1	Lô 01 (thửa đất 246, tờ bản đồ 37)	1	202,7	1.000.000	202.700.000	
4.2	Lô 02 (thửa đất 247, tờ bản đồ 37)	1	203,5	1.000.000	203.500.000	
4.3	Lô 03 (thửa đất 248, tờ bản đồ 37)	1	204,2	1.000.000	204.200.000	
4.4	Lô 04 (thửa đất 249, tờ bản đồ 37)	1	205,0	1.000.000	205.000.000	
4.5	Lô 05 (thửa đất 250, tờ bản đồ 37)	1	205,8	1.000.000	205.800.000	
4.6	Lô 06 (thửa đất 251, tờ bản đồ 37)	1	206,5	1.000.000	206.500.000	
4.7	Lô 07 (thửa đất 252, tờ bản đồ 37)	1	207,3	1.000.000	207.300.000	
4.8	Lô 08 (thửa đất 253, tờ bản đồ 37)	1	208,1	1.000.000	208.100.000	
5	**Khu OLK - 05: 08 lô**	**8**	**1.580,40**		**1.580.400.000**	
5.1	Lô 01 (thửa đất 238, tờ bản đồ 37)	1	194,6	1.000.000	194.600.000	
5.2	Lô 02 (thửa đất 239, tờ bản đồ 37)	1	195,4	1.000.000	195.400.000	
5.3	Lô 03 (thửa đất 240, tờ bản đồ 37)	1	196,3	1.000.000	196.300.000	
5.4	Lô 04 (thửa đất 241, tờ bản đồ 37)	1	197,2	1.000.000	197.200.000	
5.5	Lô 05 (thửa đất 242, tờ bản đồ 37)	1	198,1	1.000.000	198.100.000	

TT	Khu vực, vị trí	Số lô	Diện tích (lô/m2)	Giá đất theo Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh (đồng/m^2)		Ghi chú
				Giá đất (đồng/m^2)	Số tiền thu được (đồng/lô)	
5.6	Lô 06 (thửa đất 243, tờ bản đồ 37)	1	198,8	1.000.000	198.800.000	
5.7	Lô 07 (thửa đất 244 tờ bản đồ 37)	1	199,6	1.000.000	199.600.000	
5.8	Lô 08 (thửa đất 245, tờ bản đồ 37)	1	200,4	1.000.000	200.400.000	
6	**Khu OLK - 06: 08 lô**	**8**	**1.525,70**		**1.525.700.000**	
6.1	Lô 02 (thửa đất 227, tờ bản đồ 37)	1	191,6	1.000.000	191.600.000	
6.2	Lô 03 (thửa đất 228, tờ bản đồ 37)	1	191,0	1.000.000	191.000.000	
6.3	Lô 04 (thửa đất 230, tờ bản đồ 37)	1	190,4	1.000.000	190.400.000	
6.4	Lô 05 (thửa đất 231, tờ bản đồ 37)	1	189,8	1.000.000	189.800.000	
6.5	Lô 06 (thửa đất 233, tờ bản đồ 37)	1	189,7	1.000.000	189.700.000	
6.6	Lô 07 (thửa đất 235, tờ bản đồ 37)	1	190,2	1.000.000	190.200.000	
6.7	Lô 08 (thửa đất 236, tờ bản đồ 37)	1	191,1	1.000.000	191.100.000	
6.8	Lô 09 (thửa đất 237, tờ bản đồ 37)	1	191,9	1.000.000	191.900.000	
7	**Khu OLK - 07: 09 lô**	**9**	**1.871,50**		**1.796.590.000**	
7.1	Lô 01 (thửa đất 199, tờ bản đồ 37)	1	191,8	1.000.000	191.800.000	Lô góc
7.2	Lô 02 (thửa đất 200, tờ bản đồ 37)	1	197,4	1.000.000	197.400.000	
7.3	Lô 03 (thửa đất 204, tờ bản đồ 37)	1	197,1	1.000.000	197.100.000	
7.4	Lô 04 (thửa đất 205, tờ bản đồ 37)	1	196,7	1.000.000	196.700.000	
7.5	Lô 05 (thửa đất 207, tờ bản đồ 37)	1	196,7	1.000.000	196.700.000	
7.6	Lô 06 (thửa đất 209, tờ bản đồ 37)	1	196,4	1.000.000	196.400.000	
7.7	Lô 07 (thửa đất 211, tờ bản đồ 37)	1	196,0	1.000.000	196.000.000	
7.8	Lô 11 (thửa đất 197, tờ bản đồ 37)	1	262,4	850.000	223.040.000	
7.9	Lô 12 (thửa đất 198, tờ bản đồ 37)	1	237,0	850.000	201.450.000	
8	**Khu OLK - 08: 07 lô**	**7**	**1.386,70**		**1.376.095.000**	
8.1	Lô 02 (thửa đất 186, tờ bản đồ 37)	1	197,4	1.100.000	217.140.000	
8.2	Lô 03 (thửa đất 187, tờ bản đồ 37)	1	197,4	1.100.000	217.140.000	
8.3	Lô 04 (thửa đất 188, tờ bản đồ 37)	1	197,4	1.100.000	217.140.000	
8.4	Lô 05 (thửa đất 189, tờ bản đồ 37)	1	197,4	1.100.000	217.140.000	
8.5	Lô 06 (thửa đất 192, tờ bản đồ 37)	1	237,5	850.000	201.875.000	Lô góc
8.6	Lô 07 (thửa đất 191, tờ bản đồ 37)	1	192,5	850.000	163.625.000	
8.7	Lô 08 (thửa đất 190, tờ bản đồ 37)	1	167,1	850.000	142.035.000	
II	**Khu vực Tô dân phố 6 (Đường Anh Hùng Núp - Giáp trường PTDT Nội trú)**	**19**	**3.325,00**		**5.586.000.000**	
1	**Khu NLK.1:8**	**8**	**1.400**		**2.352.000.000**	
1.1	Lô 02 (thửa đất 618, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
1.2	Lô 03 (thửa đất 616, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
1.3	Lô 04 (thửa đất 615, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
1.4	Lô 05 (thửa đất 614, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	

TT	Khu vực, vị trí	Số lô	Diện tích (lô/m2)	Giá đất theo Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh (đồng/m^2)		Ghi chú
				Giá đất (đồng/m^2)	Số tiền thu được (đồng/lô)	
1.5	Lô 06 (thửa đất 613, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
1.6	Lô 07 (thửa đất 612, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
1.7	Lô 08 (thửa đất 611, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
1.8	Lô 09 (thửa đất 610, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
2	**Khu NLK.2: 11**	**11**	**1.925,0**		**3.234.000.000**	
2.1	Lô 02 (thửa đất 631, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
2.2	Lô 03 (thửa đất 630, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
2.3	Lô 04 (thửa đất 629, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
2.4	Lô 05 (thửa đất 628, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
2.5	Lô 06 (thửa đất 627, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
2.6	Lô 07 (thửa đất 626, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
2.7	Lô 08 (thửa đất 625, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
2.8	Lô 09 (thửa đất 624, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
2.9	Lô 10 (thửa đất 623, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
2.10	Lô 11 (thửa đất 622, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
2.11	Lô 12 (thửa đất 621, tờ bản đồ 35)	1	175	1.680.000	294.000.000	
III	**(Đường đi vào UBND xã Ia Kriêng)**	**8**	**2.108,0**		**2.951.200.000**	
1	Lô số A01 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm) Đường vào UBND xã Ia Kriêng	1	255	1.400.000	357.000.000	
2	Lô số A02 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm) Đường vào UBND xã Ia Kriêng	1	255	1.400.000	357.000.000	
3	Lô số A03 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm) Đường vào UBND xã Ia Kriêng	1	255	1.400.000	357.000.000	
4	Lô số A04 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm) Đường vào UBND xã Ia Kriêng	1	255	1.400.000	357.000.000	
5	Lô số A05 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm) Đường vào UBND xã Ia Kriêng	1	255	1.400.000	357.000.000	
6	Lô số A06 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm) Đường vào UBND xã Ia Kriêng	1	255	1.400.000	357.000.000	
7	Lô số A07 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm) Đường vào UBND xã Ia Kriêng	1	255	1.400.000	357.000.000	
8	Lô số A08 (QHCT ĐDC Thôn Ia Lâm) Đường vào UBND xã Ia Kriêng	1	323	1.400.000	452.200.000	
Tổng cộng: 82 lô		**82**	**16.855,90**		**19.771.720.000**	